TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 08 - 9 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – An Giang tham gia phiên toà: Ông Trần Công Đỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025; giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn***:** Chị **Lê Thị Mỹ N**, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Số B L, phường R, tỉnh An Giang.

*2. Bị đơn***:** Anh **Lê Vững B,** sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B L, phường R, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N trình bày:

Bà và ông Lê Vững B quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã G, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/09/2016. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được khoảng 01 năm đầu sau khi kết hôn; sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất

đồng quan điểm. Nguyên nhân theo bà N cho rằng ông B không có công việc, không chăm lo cho cuộc sống của gia đình; đến tháng 6/2021, ông B bỏ nhà đi khỏi địa phương, không liên hệ với gia đình, đến nay không rõ tung tích. Bà N đã làm thủ tục tuyên bố mất tích đối với ông B; tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số: 05/2025/QĐST-VDS ngày 20/3/2025 Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang) đã tuyên bố ông B mất tích. Do nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông B không thể tiếp tục nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Vững B. Bà N xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Lê Chí V, sinh ngày 26/3/2010.

Bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lê Vững B; Về con chung: Bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Tại Bản trình bày nguyện vọng, ngày 04/8/2025 con chung là Lê Chí V có ý kiến: Muốn được sống cùng với mẹ là bà Lê Thị Mỹ N.

Ông Lê Vững B là bị đơn: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, tống đạt thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Mỹ N với ông Lê Vững B; giao con chung là Lê Chí V, sinh ngày 26/3/2010 cho bà N trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; ông B không phải cấp dưỡng nuôi con; buộc bà N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Thủ tục tố tụng:*

Bà Lê Thị Mỹ N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Lê Vững B, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lê Vững B là bị đơn cư trú tại phường R, tỉnh An Giang; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Vững B như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; tuy nhiên, ông B không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc khác, ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2] *Nội dung vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ N và ông Lê Vững B tự nguyện tiến tới hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã G, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/09/2016, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét thấy, Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 05/2025/QĐST-VDS ngày 20/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang) đã tuyên bố ông Lê Vững B mất tích. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015, trường hợp vợ hoặc chồng của người bị tuyên bố mất tích xin ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, bà N xác định giữ nguyên ý kiến muốn chấm dứt hôn nhân với ông B; do đó, Hội đồng xét xử dựa trên nguyên tắc tự nguyện trong hôn nhân, căn cứ theo quy

định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông B.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông B có 01 người con chung tên Lê Chí V, sinh ngày 26/3/2010. Bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V; đối với cháu V cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Xét thấy về phía ông B không có ý kiến gì đối với việc nuôi dưỡng con; bà N xác định có đủ điều kiện chăm sóc tốt cho con về mọi mặt; ngoài ra để cháu V được tiếp tục ổn định với sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hiện tại và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu V cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng là đúng với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà N cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp ông B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông B.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có và không yêu cầu; nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 39 ngày 07/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1 - An Giang), bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N đối với bị đơn ông Lê Vững B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị Mỹ N được ly hôn với ông Lê Vững B.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Chí V, sinh ngày 26/3/2010 cho bà Lê Thị Mỹ N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông B không cấp dưỡng nuôi con.

Bà N cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp ông B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông B.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Mỹ N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 39 ngày 07/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1 - An Giang), bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 1 – An Giang;
- THADS khu vực 1 – An Giang;
- UBND phường Rạch Giá;
- Lưu.